

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép Trường Đại học Hòa Bình
đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trường Đại học Hòa Bình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học, mã số 7720101.

Điều 2. Trường thực hiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng theo các quy định hiện hành; đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

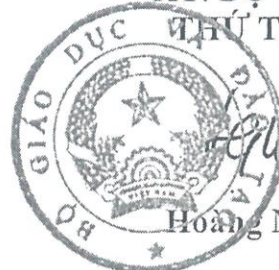
Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, GDDH.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn

Số: 23 /QĐ-ĐHHB

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Y khoa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOÀ BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo mở ngành Y khoa trình độ đại học ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y khoa, mã số: 7720101 tại Trường Đại học Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng Khoa Y, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Hòa Bình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH, Khoa Y.

 **HIỆU TRƯỞNG** 

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

Số: 24 /QĐ-ĐHHB

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình và kế hoạch đào tạo
trình độ đại học ngành Y khoa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOÀ BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hoà Bình;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hoà Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo mở ngành Y khoa trình độ đại học ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học ngành Y khoa, mã số: 7720101 tại Trường Đại học Hoà Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng Khoa Y, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Hoà Bình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH, Khoa Y.

HIỆU TRƯỞNG 

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH Y KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHNB ngày 11 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

1. Thông tin chung

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Y khoa
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Medical Doctor
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành đào tạo	: 7720101
Thời gian đào tạo	: 6 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Bác sĩ y khoa

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức; có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin và ngoại ngữ; có kiến thức nền tảng về y dược học cơ sở, y tế cộng đồng và y học lâm sàng; có khả năng tư duy hệ thống, phân tích, tổng hợp, kết hợp được y học cổ truyền và y học hiện đại để xác định đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong chăm sóc sức khỏe cá nhân và cộng đồng; có năng lực thực hành nghề nghiệp; giao tiếp; ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Educational Objectives: PEO)

Chương trình đào tạo Ngành Y khoa nhằm đào tạo Bác sĩ Y khoa có:

PEO 1: Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng trong hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

PEO 2: Kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong phòng ngừa bệnh tật và thực hành chăm sóc sức khỏe.

PEO 3: Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh, tư duy logic trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn sức khỏe; kỹ năng ra quyết định y khoa dựa vào bằng chứng; kỹ năng tự học để phát triển cá nhân và nghề nghiệp; tuân thủ các quy tắc và chuẩn mực đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.

PEO 4: Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường đa dạng, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao

động, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và tin cậy trong thực hành nghề nghiệp; khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ chuyên môn. nghề nghiệp.

PEO 5: Khả năng tư duy sáng tạo, hình thành ý tưởng mới trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, khả năng khởi nghiệp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế.

PEO 6: Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (*Program Learning Outcomes: PLO*)

3.1. Thang trình độ năng lực

3.1.1. ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC THEO THANG ĐO BLOOM TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả chi tiết
Nhớ (Remember)	(1)	Nhớ là khả năng ghi nhớ và nhận diện thông tin. Nhớ là cần thiết cho tất các mức độ tư duy. Nhớ ở đây được hiểu là nhớ lại những kiến thức đã học một cách máy móc và nhắc lại.
Hiểu (Understand)	(2)	Hiểu là khả năng hiểu, diễn dịch, diễn giải, giải thích hoặc suy diễn (dự đoán được kết quả hoặc hậu quả). Hiểu không đơn thuần là nhắc lại cái gì đó. Sinh viên phải có khả năng diễn đạt khái niệm theo ý hiểu của họ.
Vận dụng (Apply)	(3)	Vận dụng là khả năng sử dụng thông tin và chuyển đổi kiến thức từ dạng này sang dạng khác (sử dụng những kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới). Vận dụng là bắt đầu của mức tư duy sáng tạo. Tức là vận dụng những gì đã học vào đời sống hoặc một tình huống mới.
Phân tích (Analyze)	(4)	Phân tích là khả năng nhận biết chi tiết, phát hiện và phân biệt các bộ phận cấu thành của thông tin hay tình huống. Ở mức độ này đòi hỏi khả năng phân nhỏ đối tượng thành các hợp phần cấu thành để hiểu rõ hơn cấu trúc của nó.
Tổng hợp (Evaluate)	(5)	Tổng hợp là khả năng hợp nhất các thành phần để tạo thành một tổng thể/sự vật lớn. Ở mức độ này sinh viên phải sử dụng những gì đã học để tạo ra hoặc sáng tạo một cái gì đó hoàn toàn mới.
Tạo lập (Sáng tạo) (Create)	(6)	Tạo lập là khả năng phán xét giá trị hoặc sử dụng thông tin theo các tiêu chí thích hợp. (Hỗ trợ đánh giá bằng lý do/lập luận). Để sử dụng đúng mức độ này, sinh viên phải có khả năng giải thích tại sao sử dụng những lập luận giá trị để bảo vệ quan điểm.

3.1.2. BẬC THANG ĐO KỸ NĂNG CỦA DAVE TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo kỹ năng	Mô tả chi tiết
Bắt chước (imitation)	1	- Làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp giữa cơ bắp và hệ thần kinh. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Bắt chước, bắt đầu, sao chép, tái tạo, lập lại, thực hành, di chuyển, làm theo, thực hiện ...
Vận dụng (manipulation)	2	- Làm theo một hành động đã được quan sát thường theo sự chỉ dẫn, làm lại những gì giáo viên dạy, làm lại những gì ghi nhớ. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Hành động, thực hiện, xây dựng, tạo ra, sử dụng, tác động, duy trì, cải thiện, hoàn tất, thực hiện ...
Chuẩn hoá (precison)	3	- Hình thành các khả năng, năng lực liên kết, phối hợp kỹ năng trong qui trình thực hiện một công việc hoặc một sản phẩm nhất định. Thực hiện chính xác như đã hướng dẫn. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Thể hiện, đạt tới, nắm vững, tự động hoá, vượt trội ...
Liên kết kiến thức (articulation)	4	- Các hoạt động được phối hợp nhuần nhuyễn với nhau, hình thành kỹ xảo. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Thích ứng, thay đổi, kết hợp, tạo nên, phát triển, sắp xếp lại, chỉnh lại, giải quyết ...
Biểu hiện (naturalization)	5	- Hình thành các kỹ xảo một cách tự nhiên mà không cần phải suy nghĩ nhiều. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Chỉ ra, thiết kế, quản lý, phát minh, kết hợp, sắp xếp ...

3.1.3. BẬC THANG ĐO THÁI ĐỘ CỦA KRATHWOHL TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo thái độ	Mô tả chi tiết
Tiếp nhận (receiving)	1	- Là sự sẵn sàng tiếp nhận thông tin bao gồm nhận biết sự hiện hữu của thông tin; sẵn lòng nghe, tiếp nhận và có sự chú ý cần thiết. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: yêu cầu, lựa chọn, nhận biết, quan điểm, hướng đến ...

Phản ứng/ Hồi đáp (responding)	2	- Là sự tham gia tích cực vào các hoạt động ở mức độ hồi đáp bao gồm: chấp nhận, sẵn lòng hồi đáp, sự hài lòng, thể hiện sự chú ý.... Lôi cuốn vào một chủ đề hoặc hoạt động hoặc sự kiện để mở rộng việc tìm tòi nó, làm việc với nó và tham gia vào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: đáp lại, giúp đỡ, tuân theo, thảo luận, thi hành, rèn luyện ...
Đưa ra thái độ (valuing)	3	- Thể hiện giá trị của mình vào vấn đề thể hiện sự cam kết tiến tới một sự vững tin vào các mục tiêu, tư tưởng và niềm tin nào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: phân biệt, giải thích, đề xướng, chứng minh, chia sẻ, tuân thủ ...
Hình thành quan điểm (organisation)	4	- Tổ chức các giá trị thành một hệ thống, có sự nhận thức hoặc sự xác đáng và các mối quan hệ của các giá trị phù hợp, và xây dựng nên các giá trị cá nhân nổi bật. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: dàn xếp, so sánh, phối hợp, khái quát hoá, lồng ghép, thay đổi, tổ chức, tổng hợp ...
Tiếp thu chủ động (characterization, characterization by a value complex)	5	- Nội tâm hoá, tính cách hoá bản thân thể hiện ra qua giá trị bản thân, hành vi tích cực trong mọi hoạt động như một phần của cuộc sống. Tích hợp các niềm tin, tư tưởng và thái độ thành một triết lý tổng thể hoặc tầm nhìn rộng như thế giới quan. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: chia sẻ, hợp tác, tôn trọng, thể hiện, sẵn sàng, hỗ trợ...

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo và thang đo năng lực

Sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Y khoa có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC	
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng trong hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	3/6
PLO 2	Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học dự phòng và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và phòng ngừa bệnh tật.	3/6

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
POL 3	Vận dụng được các kiến thức về quản trị trong tổ chức, vận hành và quản lý các hoạt động y tế.	3/6
POL 4	Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.	3/6
2.	KỸ NĂNG	
PLO 5	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh, tư vấn sức khỏe và một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản.	3/5
PLO 6	Chẩn đoán và điều trị được các bệnh thông thường dựa trên bằng chứng khoa học.	3/5
PLO 7	Tổng hợp được các thông tin, số liệu, bằng chứng khoa học có giá trị để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.	3/5
PLO 8	Phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường.	3/5
PLO 9	Phát hiện các trường hợp cấp cứu thông thường, các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh, các ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở y tế để chuyển tuyến kịp thời.	3/5
PLO 10	Xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường, các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.	
PLO 11	Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.	3/5
PLO 12	Phối hợp được các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc và y học cổ truyền để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp.	3/5
PLO 13	Thực hiện giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.	3/5
PLO 14	Phân tích được sự tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường đến vấn đề sức khỏe và bệnh tật.	3/5
PLO 15	Hình thành được các ý tưởng hoặc giải pháp mới để giải quyết những vấn đề bất cập trong hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.	3/5
PLO 16	Lập được kế hoạch cho bản thân trong tìm kiếm việc làm hoặc khởi tạo ý tưởng hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp.	3/5

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
PLO 17	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam(Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD-ĐT) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương.	
PLO 18	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	
3	Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
PLO 19	Thực hiện đúng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề Y và nghiên cứu y sinh học.	3/5
PLO 20	Chịu trách nhiệm bản thân về hành vi ứng xử và hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	3/5
PLO 21	Thể hiện được tính chuyên nghiệp và năng lực tự học tập suốt đời trong thực hành chăm sóc sức khỏe.	3/5

4. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mục tiêu Chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
PEO 1	x														x	x			x	x	x
PEO 2		x			x	x		x	x	x	x	x									x
PEO 3			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x			x				x	x
PEO 4			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
PEO 5														x	x	x					x
PEO 6			x	x																x	x

5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên y tế tại các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.
- Bác sĩ tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
- Cán bộ giảng viên tại các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra Trường

Sau khi tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa, người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II.
- Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ, Tiến sĩ.

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /QĐ-ĐHNB ngày 11 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

1. Thông tin chung

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Y khoa
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Medical Doctor
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành đào tạo	: 7720101
Thời gian đào tạo	: 6 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Bác sĩ y khoa

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức; có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin và ngoại ngữ; có kiến thức nền tảng về y dược học cơ sở, y tế cộng đồng và y học lâm sàng; có khả năng tư duy hệ thống, phân tích, tổng hợp, kết hợp được y học cổ truyền và y học hiện đại để xác định đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong chăm sóc sức khỏe cá nhân và cộng đồng; có năng lực thực hành nghề nghiệp; giao tiếp; ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Educational Objectives: PEO)

Chương trình đào tạo Ngành Y khoa nhằm đào tạo Bác sĩ Y khoa có:

PEO 1: Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng trong hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

PEO 2: Kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong phòng ngừa bệnh tật và thực hành chăm sóc sức khỏe.

PEO 3: Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh, tư duy logic trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn sức khỏe; kỹ năng ra quyết định y khoa dựa vào bằng chứng; kỹ năng tự học để phát triển cá nhân và nghề nghiệp; tuân thủ các quy tắc và chuẩn mực đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.

PEO 4: Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường đa dạng, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và tin cậy trong thực hành nghề nghiệp; khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ chuyên môn. nghề nghiệp.

PEO 5: Khả năng tư duy sáng tạo, hình thành ý tưởng mới trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe khả năng khởi nghiệp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế.

PEO 6: Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (*Program Learning Outcomes: PLO*)

3.1. Thang trình độ năng lực

3.1.1. ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC THEO THANG ĐO BLOOM TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả chi tiết
Nhớ (Remember)	(1)	Nhớ là khả năng ghi nhớ và nhận diện thông tin. Nhớ là cần thiết cho tất các mức độ tư duy. Nhớ ở đây được hiểu là nhớ lại những kiến thức đã học một cách máy móc và nhắc lại.
Hiểu (Understand)	(2)	Hiểu là khả năng hiểu, diễn dịch, diễn giải, giải thích hoặc suy diễn (dự đoán được kết quả hoặc hậu quả). Hiểu không đơn thuần là nhắc lại cái gì đó. Sinh viên phải có khả năng diễn đạt khái niệm theo ý hiểu của họ.
Vận dụng (Apply)	(3)	Vận dụng là khả năng sử dụng thông tin và chuyển đổi kiến thức từ dạng này sang dạng khác (sử dụng những kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới). Vận dụng là bắt đầu của mức tư duy sáng tạo. Tức là vận dụng những gì đã học vào đời sống hoặc một tình huống mới.
Phân tích (Analyze)	(4)	Phân tích là khả năng nhận biết chi tiết, phát hiện và phân biệt các bộ phận cấu thành của thông tin hay tình huống. Ở mức độ này đòi hỏi khả năng phân nhỏ đối tượng thành các hợp phần cấu thành để hiểu rõ hơn cấu trúc của nó.
Tổng hợp (Evaluate)	(5)	Tổng hợp là khả năng hợp nhất các thành phần để tạo thành một tổng thể/sự vật lớn. Ở mức độ này sinh viên phải sử dụng những gì đã học để tạo ra hoặc sáng tạo một cái gì đó hoàn toàn mới.
Tạo lập (Sáng tạo) (Create)	(6)	Tạo lập là khả năng phán xét giá trị hoặc sử dụng thông tin theo các tiêu chí thích hợp. (Hỗ trợ đánh giá bằng lý do/lập luận). Để sử dụng đúng mức độ này, sinh viên phải có khả năng giải thích tại sao sử dụng những lập luận giá trị để bảo vệ quan điểm.

3.1.2. BẬC THANG ĐO KỸ NĂNG CỦA DAVE TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo kỹ năng	Mô tả chi tiết
Bắt chước (imitation)	1	- Làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp giữa cơ bắp và hệ thần kinh. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Bắt chước, bắt đầu, sao chép, tái tạo, lập lại, thực hành, di chuyển, làm theo, thực hiện ...
Vận dụng (manipulation)	2	- Làm theo một hành động đã được quan sát thường theo sự chỉ dẫn, làm lại những gì giáo viên dạy, làm lại những gì ghi nhớ. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Hành động, thực hiện, xây dựng, tạo ra, sử dụng, tác động, duy trì, cải thiện, hoàn tất, thực hiện ...
Chuẩn hoá (precision)	3	- Hình thành các khả năng, năng lực liên kết, phối hợp kỹ năng trong qui trình thực hiện một công việc hoặc một sản phẩm nhất định. Thực hiện chính xác như đã hướng dẫn. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Thể hiện, đạt tới, nắm vững, tự động hoá, vượt trội ...
Liên kết kiến thức (articulation)	4	- Các hoạt động được phối hợp nhuần nhuyễn với nhau, hình thành kỹ xảo. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Thích ứng, thay đổi, kết hợp, tạo nên, phát triển, sắp xếp lại, chỉnh lại, giải quyết ...
Biểu hiện (naturalization)	5	- Hình thành các kỹ xảo một cách tự nhiên mà không cần phải suy nghĩ nhiều. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: Chỉ ra, thiết kế, quản lý, phát minh, kết hợp, sắp xếp ...

3.1.3. BẬC THANG ĐO THÁI ĐỘ CỦA KRATHWOHL TRONG ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC

Nhóm	Thang đo thái độ	Mô tả chi tiết
Tiếp nhận (receiving)	1	- Là sự sẵn sàng tiếp nhận thông tin bao gồm nhận biết sự hiện hữu của thông tin; sẵn lòng nghe, tiếp nhận và có sự chú ý cần thiết. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: yêu cầu, lựa chọn, nhận biết, quan điểm, hướng đến ...
Phản ứng/ Hồi đáp (responding)	2	- Là sự tham gia tích cực vào các hoạt động ở mức độ hồi đáp bao gồm: chấp nhận, sẵn lòng hồi đáp, sự hài lòng, thể hiện sự chú ý.... Lôi cuốn vào một chủ đề hoặc hoạt động hoặc sự kiện để mở rộng việc tìm tòi nó, làm việc với nó và tham gia vào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: đáp lại, giúp

		đỡ, tuân theo, thảo luận, thi hành, rèn luyện ...
Đưa ra thái độ (valuing)	3	- Thể hiện giá trị của mình vào vấn đề thể hiện sự cam kết tiến tới một sự vững tin vào các mục tiêu, tư tưởng và niềm tin nào đó. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: phân biệt, giải thích, đề xướng, chứng minh, chia sẻ, tuân thủ ...
Hình thành quan điểm (organisation)	4	- Tổ chức các giá trị thành một hệ thống, có sự nhận thức hoặc sự xác đáng và các mối quan hệ của các giá trị phù hợp, và xây dựng nên các giá trị cá nhân nổi bật. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: dàn xếp, so sánh, phối hợp, khái quát hoá, lồng ghép, thay đổi, tổ chức, tổng hợp ...
Tiếp thu chủ động (characterization, characterization by a value complex)	5	- Nội tâm hoá, tính cách hoá bản thân thể hiện ra qua giá trị bản thân, hành vi tích cực trong mọi hoạt động như một phần của cuộc sống. Tích hợp các niềm tin, tư tưởng và thái độ thành một triết lí tổng thể hoặc tầm nhìn rộng như thế giới quan. - Các động từ khởi đầu thường dùng như: chia sẻ, hợp tác, tôn trọng, thể hiện, sẵn sàng, hỗ trợ...

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo và thang đo năng lực

Phương pháp tiếp cận CDIO (Conceive – Design – Implement – Operation) là một phương pháp xây dựng đào tạo hiện đại, giúp sinh viên xây dựng cách học và làm việc chủ động, từ việc hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và áp dụng các ý tưởng đó vào thực tế. Theo cách tiếp cận này, người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và rèn luyện phẩm chất đạo đức để đương đầu với những thách thức chuyên môn luôn phát triển, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng cao yêu cầu thực tế và thích ứng tốt với môi trường làm việc luôn thay đổi. Cách tiếp cận này rất phù hợp để sinh viên y và cán bộ y tế có thể tìm kiếm được các bằng chứng xác đáng cho các quyết định lâm sàng, giúp sinh viên dễ dàng trải nghiệm và tích lũy kinh nghiệm. Trường Đại học Hòa Bình đã tham khảo một số trường về phương pháp tiếp cận CDIO. Vì vậy Trường đã xây dựng và mong muốn được áp dụng cho sinh viên ngành Y khoa.

Để thực hiện cách tiếp cận này, chương trình đào tạo cần phải được tích hợp:

- a) Thể hiện mục tiêu của chương trình đào tạo trong kết quả học tập của từng môn học và từng khối kiến thức;
- b) Đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau;
- c) Đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

So với chương trình đào tạo được thiết kế theo kiểu truyền thống, chương trình đào tạo tích hợp có được ưu điểm là phát triển các kỹ năng, phẩm chất đạo đức qua nội dung từng

môn học và nhóm môn học theo trình tự giảng dạy các môn học thể hiện thông qua bảng đối chiếu mục tiêu học tập hay ma trận mục tiêu học tập chỉ rõ mục tiêu học tập từng môn học, từng khối kiến thức đóng góp vào mục tiêu chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) Y khoa được xây dựng dựa trên đề cương CDIO phiên bản 2.0 và những thông tin thu thập được thông qua phiếu khảo sát các bên liên quan (giảng viên, người học và các cơ sở y tế các cấp). Bộ chuẩn đầu ra được xây dựng đảm bảo các yêu cầu sinh viên tốt nghiệp đạt được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, và các kỹ năng thực hành nghề nghiệp với trình độ năng lực xác định. Chuẩn đầu ra của CTĐT Y khoa được xác định đến mức độ chi tiết cấp độ ba của đề cương CDIO, cần thiết cho sự chuyển đổi các mục tiêu (chủ đề ở cấp độ cao) sang chuẩn đầu ra có thể giảng dạy và đánh giá được. Nội dung chuẩn đầu ra ở cấp độ này được trình bày tương đối chi tiết.

Sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Y khoa có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC	
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng trong hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.	3/6
PLO 2	Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học dự phòng và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và phòng ngừa bệnh tật.	3/6
POL 3	Vận dụng được các kiến thức về quản trị trong tổ chức, vận hành và quản lý các hoạt động y tế.	3/6
POL 4	Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.	3/6
2.	KỸ NĂNG	
PLO 5	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh, tư vấn sức khỏe và một số thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản.	3/5
PLO 6	Chẩn đoán và điều trị được các bệnh thông thường dựa trên bằng chứng khoa học.	3/5
PLO 7	Tổng hợp được các thông tin, số liệu, bằng chứng khoa học có giá trị để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.	3/5

PLO 8	Phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường.	3/5
PLO 9	Phát hiện các trường hợp cấp cứu thông thường, các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh, các ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở y tế để chuyển tuyến kịp thời.	3/5
PLO 10	Xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường, các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.	
PLO 11	Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.	3/5
PLO 12	Phối hợp được các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc và y học cổ truyền để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp.	3/5
PLO 13	Thực hiện giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.	3/5
PLO 14	Phân tích được sự tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường đến vấn đề sức khỏe và bệnh tật.	3/5
PLO 15	Hình thành được các ý tưởng hoặc giải pháp mới để giải quyết những vấn đề bất cập trong hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.	3/5
PLO 16	Lập được kế hoạch cho bản thân trong tìm kiếm việc làm hoặc khởi tạo ý tưởng hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp.	3/5
PLO 17	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD-ĐT) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương.	
PLO 18	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	
3	Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
PLO 19	Thực hiện đúng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề Y và nghiên cứu y sinh học.	3/5
PLO 20	Chịu trách nhiệm bản thân về hành vi ứng xử và hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	3/5
PLO 21	Thể hiện được tính chuyên nghiệp và năng lực tự học tập suốt đời trong thực hành chăm sóc sức khỏe.	3/5

5. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

a) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Phương thức tuyển sinh:

- Tổ hợp xét tuyển: B00 (Toán, Hóa, Sinh); D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh); D08 (Toán, Sinh Tiếng Anh); A00 (Toán, Hóa, Lý)

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển kết quả Học bạ THPT theo quy định của Quy chế tuyển sinh hàng năm.

c) Điều kiện trúng tuyển và dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Điều kiện trúng tuyển được xét từ cao xuống thấp dựa trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **199 tín chỉ** (chưa kể Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng) chia thành 12 học kỳ trong 6 năm

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	24	24	0
2	Kiến thức cơ sở ngành	69	67	2
3	Kiến thức bổ trợ	6	4	2
4	Kiến thức chuyên ngành	78	76	2
5	Thực tập tốt nghiệp	12	12	
6	Khóa luận/Thi tốt nghiệp	10	10	
	Tổng	199	193	6

b) Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC			Ghi chú
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương						
(Tổng số: 24 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 24 tín chỉ, tự chọn: 0 tín chỉ)						
A1		Các học phần bắt buộc	24	18	6	
1	7710093	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	7310022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	7710012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	7710032	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	

5	7710102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
6	7510014	Tin học đại cương	3	2	1	
7	7310012	Pháp luật đại cương	2	2	0	
8	7710063	Tiếng Anh 1	3	1	2	
9	7710073	Tiếng Anh 2	3	1	2	
10	7710074	Tiếng Anh 3	2	1	1	
B. Khối kiến thức cơ sở ngành <i>(Tổng số: 69 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 67 tín chỉ, tự chọn: 02 tín chỉ)</i>						
B1		Các học phần bắt buộc	69	44	25	
11	7620012	Lý sinh y học	2	2	0	
12	7620023	Sinh học phát triển	3	2	1	
13	7620033	Hóa – hóa sinh	3	3	0	
14	7620045	Giải phẫu- Mô – Giải phẫu bệnh (Y cơ sở 1)	5	3	2	
15	7620054	Sinh lý- Sinh lý bệnh – Dược lý (Y cơ sở 2)	4	3	1	
16	7620063	Vi sinh – Ký sinh trùng (Y cơ sở 3)	3	2	1	
17	7620072	Miễn dịch đại cương	2	2	0	
18	7620082	Hệ huyết học – Bạch huyết	2	1	1	
19	7620092	Hệ tim mạch	2	1	1	
20	7620102	Hệ hô hấp	2	1	1	
21	7620112	Hệ tiêu hóa	2	1	1	
22	7620122	Hệ thận - Tiết niệu	2	1	1	
23	7620132	Hệ Da - Cơ - Xương khớp	2	1	1	
24	7620143	Hệ Nội tiết - Sinh sản	3	2	1	
25	7620152	Hệ thần kinh	2	1	1	
26	7620162	Thực hành Y khoa 1	2	0	2	
27	7620172	Thực hành Y khoa 2	2	0	2	

28	7620182	Thực hành Y khoa 3	2	0	2	
29	7620192	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	1	
30	7620202	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1	
31	7620212	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia	2	2	0	
32	7620222	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	2	1	1	
33	7620232	Dịch tễ học	2	1	1	
34	7620242	Dược lý lâm sàng	2	1	1	
35	7650252	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	2	0	
36	7620262	Phương pháp nghiên cứu khoa học và thống kê Y sinh	4	2	2	
37	7620272	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4	2	2	
B2		Các học phần tự chọn	2	1	1	
38.1	7620282	<i>Nhân học - Y học</i>	2	1	1	
38.2	7620282	<i>Một sức khỏe</i>	2	1	1	
C. Kiến thức bổ trợ <i>(Tổng số 6 tín chỉ, trong đó bắt buộc 4 tín chỉ, tự chọn: 02 tín chỉ)</i>						
C1		Các học phần bắt buộc	4	3	1	
39	7620292	Quản trị học	2	2	0	
40	7620302	Kỹ năng viết và thuyết trình bằng Tiếng Anh	2	1	1	
C2		Các học phần tự chọn bổ trợ	2	1	1	
41.1	7670012	<i>Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo</i>	2	1	1	
41.2	7670022	<i>Kỹ năng quản lý dự án</i>	2	1	1	
41.3	7670023	<i>Kỹ năng đàm phán, thương lượng</i>	2	1	1	

41.4	7670024	Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện	2	1	1	
D. Khối kiến thức ngành <i>(Tổng số 78 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 76 tín chỉ; tự chọn: 02 tín chỉ)</i>						
D1		Các học phần bắt buộc	76	31	45	
42	7620314	Nội cơ sở	4	2	2	
43	7620324	Ngoại cơ sở	4	2	2	
44	7620334	Nội bệnh lý 1	4	1	3	
45	7630344	Ngoại bệnh lý 1	4	1	3	
46	7630354	Phụ sản 1	4	1	3	
47	7630364	Nhi khoa 1	4	1	3	
48	7630375	Nội bệnh lý 2	5	2	3	
49	7630385	Ngoại bệnh lý 2	5	2	3	
50	7630395	Phụ sản 2	5	2	3	
51	7630405	Nhi khoa 2	5	2	3	
52	7630413	Y học gia đình	3	1	2	
53	7630422	Truyền nhiễm	2	1	1	
54	7630432	Sức khỏe tâm thần	2	1	1	
55	7630442	Ung thư	2	1	1	
56	7630453	Thực tập cộng đồng	3	0	3	
57	7630462	Y học cổ truyền	2	1	1	
58	7630472	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	
59	7630482	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	2	0	
60	7630492	Da liễu	2	1	1	
61	7630502	Thần kinh	2	1	1	
62	7630512	Lao và bệnh phổi	2	1	1	
63	7630522	Phục hồi chức năng	2	1	1	
64	7630532	Mắt	2	1	1	
65	7630542	Răng hàm mặt	2	1	1	

66	7630552	Tai mũi họng	2	1	1	
D2		Các học phần tự chọn	2	1	1	
67.1	7630562	Gây mê hồi sức	2	1	1	
67.2	7630572	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1	
67.3	7630582	Pháp Y	2	1	1	
E		Thực tập, khóa luận tốt nghiệp				
68	7640013	Thực tập tốt nghiệp Nội khoa	3	0	3	
69	7640023	Thực tập tốt nghiệp Nhi	3	0	3	
70	7640033	Thực tập tốt nghiệp Ngoại khoa	3	0	3	
71	7640043	Thực tập tốt nghiệp Sản	3	0	3	
72	76400510	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10	

7. Mức đóng góp của các học phần để đạt chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Mức đóng góp: L: Low=Thấp; M: Meddium=Trung bình; H: High=Cao

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tin học đại cương			L				L											M			
Triết học Mác – Lê nin	M					L															
Kinh tế chính trị Mác Lê nin	M																				
Chủ nghĩa xã hội khoa học	M																				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	M																				
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	M																				
Pháp luật đại cương	M																		M	M	
Tiếng Anh 1													L				L				
Tiếng Anh 2													M				M				
Tiếng Anh 3													H				H				
Lý sinh y học		L						L													
Sinh học phát triển		L						L													

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Hóa – hóa sinh		L						L													
Giải phẫu – Mô – Giải phẫu bệnh		M						L													
Sinh lý – Sinh bệnh lý – Dược lý		M			M	M	M	M													
Vi sinh - Ký sinh trùng		M			M	M	M	M													
Miễn dịch đại cương		M			M	M	M	M													
Hệ huyết học - Bạch huyết		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ tim mạch		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ hô hấp		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ tiêu hóa		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ thận - Tiết niệu		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ Da – Cơ – Xương – Khớp		M			M	M	M	M	M	M	M										
Hệ Nội tiết – Sinh sản		M			M	M	M	M	M	M	M										

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Hệ thần kinh		M			M	M	M	M	M	M	M										
Thực hành Y khoa 1		H			L	L	L	L	L	L	L										
Thực hành Y khoa 2		H			M	M	M	M	M	M	M										
Thực hành Y khoa 3		H			H	H	H	H	H	H	H										
Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm		M			M	M	M	M	M	M	M										
Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp		M										M									
Tổ chức Quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia		M	L																		
Truyền thông giáo dục sức khỏe		M			L							L									
Dịch tễ học		M			L							L		M							
Dược lý Lâm sàng		L									M										

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế			M											L	L						
PP NCKH và thống kê y sinh				M																	L
Tiếng Anh chuyên ngành 1	L												M			M					
Nhân học Y học	L			M		H													L	L	L
Một sức khỏe							M														
Quản trị học			L																		
Kỹ năng viết và TT bằng Tiếng Anh													L								L
Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo			L													L					
Kỹ năng quản lý dự án			L													L					
Kỹ năng đàm phán, thương lượng			L													L					L
Kỹ năng tư duy sáng tạo															M	M					

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
và phân biện																					
Nội cơ sở		L			L	L	L		L	L									L	L	L
Ngoại cơ sở		L			M	M	M		L	L									L	L	L
Nội bệnh lý 1		M			M	M	M		M	M	L								M	M	M
Ngoại bệnh lý 1		M			M	M	M		M	M	L								M	M	M
Phụ sản 1		L			M	M	M		L	L									L	L	L
Nhi khoa 1		L			M	M	M		L	L									L	L	L
Nội bệnh lý 2		H			H	H	H		H	H	H								H	H	H
Ngoại bệnh lý 2		H			H	H	H		H	H	H								H	H	M
Phụ sản 2		H			H	H	H		H	H	H								H	H	H
Nhi khoa 2		H			H	H	H		H	H	H								H	H	H
Y học gia đình		L			L	L	L		L	L	L								L	L	L
Truyền nhiễm		M			M	M	M		M	M	M								M	M	M
Sức khỏe tâm thần		M			M	M	M		M	M	M								M	M	M
Ung thư		M			L	M	M		M	M	M								M	M	M
Thực tập cộng đồng		M					M					M	M						M	M	M
Y học cổ truyền		M			L	L						L									L

Tên học phần	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Chẩn đoán hình ảnh		M			L	L		L													L
Tiếng anh chuyên ngành 2	M												M		M						M
Da liễu		M			L	L															L
Thần kinh		M			L	L															L
Lao và Bệnh phổi		M			L	L															L
Phục hồi chức năng		M			L	L						L									L
Mắt		M			L	L															L
Răng hàm mặt		M			L	L															L
Tai mũi họng		M			L	L															L
Gây mê hồi sức		M			L	L															L

8. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
1	Triết học Mác-Lênin	3 (3-0-6)	Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị những tri thức khái lược về triết học; sự ra đời và phát triển triết học Mác-Lênin; về vật chất và ý thức; về những nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội và quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2-0-4)	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường định hướng CHCN ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2-0-4)	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học như: chỉ rõ vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong việc thực hiện nội dung, quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2-0-4)	Học phần có 6 chương, cung cấp cho sinh viên khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm,

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh. Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, con người, đạo đức.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2-0-4)	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng ở Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng, nhất là đường lối lãnh đạo trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đổi mới như: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Đường lối về công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị,... Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.
6	Tin học đại cương	3 (2-1-6)	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết về máy tính: Hệ điều hành Window, Internet, Word, Excel, Ngoài ra, SV còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao
7	Pháp luật đại cương	2 (2-0-4)	Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên có hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
8	Tiếng Anh 1	3 (1-2-6)	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ cơ bản (kiến thức từ vựng và kiến thức ngữ pháp) ở giai đoạn đầu của cấp độ tiền trung cấp (Pre – intermediate). Thông qua các bài đọc, bài nghe, các bộ phim ngắn, ...vv sinh viên được trang bị kiến thức về văn hóa, địa lý, đời sống xã hội của một số nước trên thế giới. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về bản thân, sức khỏe, việc làm, giải trí, du lịch, đặt hàng...). Có thể mô tả và trao đổi những thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như thể thao, phương tiện giao thông, môi trường, lễ hội,...

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
9	Tiếng Anh 2	3 (1-2-6)	Học phần Tiếng Anh 2 nhằm nâng cao những kiến thức từ vựng và kiến thức ngữ pháp, kỹ năng thực hành Tiếng Anh cũng như kiến thức về văn hóa, xã hội, địa lý một số nước trên thế giới cho sinh viên sau khi đã học xong Tiếng Anh 1. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp thông dụng, đồng thời có thể mô tả và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày...
10	Tiếng Anh 3	2 (1-1-4)	Học phần Tiếng Anh 3 nhằm ôn lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sinh viên sau khi đã học xong Tiếng Anh 2, đồng thời trang bị cho các em kỹ năng, chiến lược và hướng dẫn thực hành làm bài thi B1 theo mẫu hiện hành. Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
11	Lý sinh y học	2 (2-0-4)	Học phần lý sinh y học là học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy luật, vật lý để giải thích được các hiện tượng và quá trình sinh học xảy ra trong hệ thống sống, ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại trên lâm sàng, định luật phân rã phóng xạ, tác dụng và ứng dụng các bức xạ ion hóa trong ion hóa trong y sinh học, các nguyên lý cơ bản của một số thiết bị y học hạt nhân.
12	Sinh học phát triển	3 (2-1-6)	Học phần Sinh học phát triển là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của di truyền ứng dụng trong Y học, sự phát triển, phát triển

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			bình thường, bất thường của cá thể người. Sinh viên được trang bị kiến thức về nguồn gốc, sự biệt hóa của các phôi bào, sự phát triển bình thường của các mô, các cơ quan trong quá trình tạo cá thể; nghiên cứu nguyên nhân, yếu tố, cơ chế gây ra các phát triển bình thường và bất bình thường đã giúp tìm ra các biện pháp cải tạo, ngăn ngừa và phòng chống những nguyên nhân, yếu tố gây vô sinh, thai chết lưu, thai phát triển bình thường, quái thai mắc các dị tật bẩm sinh cũng nhờ đó tìm ra các phương pháp chuẩn đoán trước sinh và các nỗ lực tìm các biện pháp điều trị sớm như các trường hợp phẫu thuật chữa một số dị tật bẩm sinh, giải quyết vấn đề vô sinh.
13	Hóa – hóa sinh	3 (3-0-6)	Học phần Hóa – hóa sinh là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để giải thích các hiện tượng và phản ứng hóa học trong cơ thể sống; Trình bày được cấu tạo, tính chất, chức năng của các loại sinh chất chủ yếu trong cơ thể, phân tích được ý nghĩa lâm sàng của một số chất trong máu và nước tiểu ở trạng thái sinh lý và bệnh lý, vận dụng kiến thức hóa sinh, giải thích được một số ứng dụng trên lâm sàng. Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thử nghiệm và xét nghiệm.
14	Giải phẫu – Mô - Giải phẫu bệnh (Y cơ sở 1)	5 (3-2-10)	Học phần giúp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc đại thể và vi thể của các cơ quan trong cơ thể người, biết

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			được những hình ảnh bình thường và những hình ảnh bệnh lý của các tổn thương cơ bản của mô và tế bào. Từ đó vận dụng vào giải thích các triệu chứng và dấu hiệu bệnh của các lâm sàng trong các Module hệ cơ quan. Đồng thời, bước đầu biết cách lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp, hiểu được giá trị của xét nghiệm đối với các chuyên khoa, đặt biệt chuyên khoa u bướu, từ đó tạo tiền đề cho việc thăm khám và điều trị bệnh trên lâm sàng.
15	Sinh lý- Sinh lý bệnh – Dược lý (Y cơ sở 2)	4 (3-1-8)	Học phần giúp cho sinh viên những kiến thức về quy luật chung của hoạt động và điều hòa hoạt động bình thường ở mức tế bào, các cơ quan trong duy trì hằng tính nội môi để giải thích những rối loạn chuyển hóa ở mức tế bào, cơ quan: rối loạn nước- điện giải, rối loạn thăng bằng acid-base, rối loạn thân nhiệt. Trên cơ sở đó, có thể giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc và một số yếu tố ảnh hưởng đến dược lực học của thuốc. Đồng thời người học thực hiện được kỹ năng: đọc, viết đúng tên thuốc theo danh pháp quốc tế vận dụng trong thực hành nghề nghiệp sau này.
16	Vi sinh – Ký sinh trùng (Y cơ sở 3)	3 (2-1-6)	Học phần Y học cơ sở 3 cung cấp kiến thức về đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng, cơ chế đáp ứng miễn dịch của cơ thể chống vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh, nguyên lý, nguyên tắc các phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nhiễm trùng, nhiễm KST thường gặp; kỹ năng thực hiện và

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			phân tích kết quả một số xét nghiệm cơ bản về vi sinh và ký sinh trùng, thực hiện
17	Miễn dịch đại cương	2 (2-0-4)	Học phần Miễn dịch đại cương giới thiệu các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; sinh viên được cung cấp kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn)
18	Hệ huyết học – Bạch huyết	2 (1-1-4)	Học phần huyết học – Bạch huyết cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng của cơ quan tạo máu và bạch huyết, quá trình biệt hóa bình thường của các dòng tế bào máu (hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu); chức năng đông – cầm máu bình thường và một số rối loạn. Từ đó giải thích một số dấu hiệu lâm sàng, những thay đổi giá trị xét nghiệm của một số bệnh lý huyết học và bạch huyết thường gặp, tạo nền tảng giúp cho việc chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý này trong các năm học tiếp theo.
19	Hệ tim mạch	2 (1-1-4)	Học phần hệ tim mạch trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng bình thường và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh tim mạch phổ biến, tạo nền tảng cho kỹ

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			năng biện luận lâm sàng trong các năm học tập theo và thực hành nghề nghiệp.
20	Hệ hô hấp	2 (1-1-4)	Học phần Hệ hô hấp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý, cơ sở chuẩn đoán, điều trị và dự phòng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tập theo và thực hành nghề nghiệp
21	Hệ tiêu hóa	2 (1-1-4)	Học phần Hệ tiêu hóa trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa, cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong hoạt động tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và xuất các chất. Từ những kiến thức này, giúp sinh viên vận dụng để giải thích một số biểu hiện bất thường của hệ tiêu hóa, chuẩn bị cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh lý tiêu hóa trong những năm học kế tiếp.
22	Hệ thận - Tiết niệu	2 (1-1-4)	Học phần Hệ tiết niệu trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu, giải thích cơ chế hoạt động bình thường của chúng cùng mối liên hệ với các cơ quan khác nhau trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý của một số bệnh thường gặp trong hệ tiết niệu, tạo nền tảng giúp cho việc chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý này trong các năm học tiếp theo.

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
23	Hệ Da - Cơ - Xương khớp	2 (1-1-4)	Học phần hệ Da –Cơ – Xương khớp cung cấp cho sinh viên y khoa kiến thức về cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống Da – cơ – xương – khớp cùng mạch máu, thần kinh chi phối. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được một số biểu hiện bình thường và bệnh hệ thống Da – cơ xương – khớp minh họa cho phân lý thuyết. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với Elearning, thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên có được những kiến thức, tạo nền tảng cho việc học và nghiên cứu suốt đời.
24	Hệ Nội tiết - Sinh sản	3 (2-1-6)	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh dục ở người bình thường; những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh dục cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.
25	Hệ thần kinh	2 (1-1-4)	Học phần hệ thần kinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh. Từ đó, giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh, cũng như cơ chế tác dụng của thuốc trong một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường.

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
26	Thực hành Y khoa 1	2 (0-2-4)	Học phần Thực hành Y khoa 1 được học vào học kì 1 năm thứ 2. Nội dung chính gồm: Kỹ năng để khai thác bệnh sử - tiền sử của người bệnh; kỹ năng khám lâm sàng và một số kỹ thuật y khoa liên quan đến hệ cơ quan tạo máu, tim mạch, hô hấp. Học phần giúp rèn luyện tính chuyên nghiệp trong giao tiếp và thực hành kỹ năng lâm sàng từ đó giúp cho sinh viên tự học tập, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp suốt đời. Học phần gồm 9 buổi thực hành tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của các giảng viên lâm sàng, điều dưỡng và huấn luyện kỹ năng (được lượng giá vào cuối mỗi buổi học) và 3 ngày thực tập tại các bệnh viện thực hành (lượng giá dựa vào chỉ tiêu lâm sàng và báo cáo cá nhân); kết thúc học phần sinh viên được lượng giá bằng hình thức OSPE
27	Thực hành Y khoa 2	2 (0-2-4)	Học phần Thực hành Y khoa 2 trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và thái độ đúng mực với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, da – cơ – xương – khớp và một số thủ thuật/ kỹ thuật liên quan đến các cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, da – cơ – xương – khớp và một số thủ thuật/kỹ thuật liên quan đến cơ quan trên. Nội dung của module gồm 8 bài thực hành tại phòng Lab và 4 ngày đi thực hành tại các Bệnh viện thực hành và Trung tâm y tế. Kết thúc mỗi bài thực hành tại Lab sinh viên sẽ được lượng giá bằng bảng điểm, với hoạt động thực tập

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			tại bệnh viện sinh viên sẽ được lượng giá bằng việc hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và viết báo cáo cá nhân; kết thúc học phần sinh viên được lượng giá bằng hình thức OSPE.
28	Thực hành Y khoa 3	2 (0-2-4)	Học phần Thực hành y khoa 3 được học kỳ I của năm học thứ 3. Học phần trang bị cho sinh viên các chủ đề: Tư vấn cho người bệnh; kỹ năng thăm khám một số bệnh Nội tiết – Chuyển hóa, sinh sản, hệ thần kinh và một số thủ thuật y khoa cơ bản; có lòng ghép tính chuyên nghiệp, kỹ năng tự học tập suốt đời. Sinh viên thực tập tại bệnh viện thực hành và Trung tâm y tế 5 buổi, được đánh giá theo bảng chỉ tiêu lâm sàng; kết thúc học phần sinh viên được lượng giá bằng hình thức OSPE.
29	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2 (1-1-4)	Học phần Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm. Trong đó, phần dinh dưỡng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng. Học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng đối với sức khỏe con người, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng. Học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, nguyên tắc dinh dưỡng trong điều trị và các chế độ ăn của một

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			số bệnh thường gặp trong bệnh viện. Nội dung về An toàn thực phẩm đề cập đến đặc điểm vệ sinh của thực phẩm, nguyên nhân và một số loại ngộ độc thực phẩm thường gặp ở nước ta và cách phòng chống. Song hành với lý thuyết là thực hành, phần này sẽ bồi dưỡng cho người học những kỹ năng quan trọng giúp lựa chọn thực phẩm thông dụng hằng ngày, kỹ thuật xét nghiệm nhanh một số chất độc trong thực phẩm và phương pháp đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm nhà ăn công cộng. Sinh viên cũng được trang bị những kỹ năng để đánh giá tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và xây dựng thực đơn cho các đối tượng.
30	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2 (1-1-4)	Học phần Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; cùng với các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, và môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe con người. Học phần này cung cấp các kỹ năng đánh giá, xác định một số chỉ số trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người nói chung và sức khỏe của người lao động nói riêng. Đồng thời học phần này giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò của Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Từ đó có thể tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			một số vấn đề sức khỏe thường gặp liên quan đến môi trường sống, môi trường lao động.
31	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia	2 (2-0-4)	Học phần Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia bao gồm các nội dung cơ bản: Tổ chức quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia, những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia. Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản. Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở
32	Truyền thông – Giáo dục sức khỏe	2 (1-1-4)	Học phần Truyền thông – Giáo dục sức khỏe cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe. Về kỹ năng, sinh viên vận dụng được các kiến thức để học để lập các bản kế hoạch về truyền thông và thực hành một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một vị bác sĩ tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí làm việc sau này của người cán bộ y tế. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của bác sĩ đa khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế.

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
33	Dịch tễ học	2 (1-1-4)	Học phần Dịch tễ học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dịch tễ học. Các khái niệm về dịch tễ học, cách đề cập dịch tễ học, dịch tễ học các bệnh lây và không lây nhiễm, các nguyên lý và biện pháp dự phòng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các xây dựng kế hoạch giám sát, tính toán một số ca mắc bệnh, tử vong, chỉ số đánh giá chất lượng xét nghiệm, lập kế hoạch tiêm chủng và điều tra xử lý dịch bệnh truyền nhiễm và thực hành sử dụng các phương tiện phòng chống dịch.
34	Dược lý lâm sàng	2 (1-1-4)	Học phần Dược lý lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc sử dụng thuốc hợp lý, thông tin thuốc, quản lý tương tác thuốc, tương kỵ thuốc, ADR, dị ứng thuốc, cảnh giác dược, đường đưa thuốc và cách sử dụng, xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả, sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt, nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh, giảm đau, glucocorticoid,... để giúp lựa chọn và sử dụng thuốc hợp lý an toàn. Bên cạnh đó, trong phần thực hành sẽ được cung cấp một số kỹ năng cơ bản như kỹ năng tính toán, tra cứu và tổng hợp thông tin, hoàn thành báo cáo ADR, tra cứu tương tác thuốc.
35	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2 (2-0-4)	Học phần Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên các nội dung liên quan đến hai lĩnh vực khi thực hành nghề nghiệp. Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối liên hệ giữa

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế. Đồng thời hướng dẫn các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng phân tích chi phí – hiệu quả và ứng dụng của nó trong điều kiện nguồn lực luôn khan hiếm. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản liên quan đến Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm y tế hiện hành và một số bài tập vận dụng quy định bảo hiểm y tế khi thực hành nghề nghiệp.
36	Phương pháp nghiên cứu khoa học và thống kê Y sinh	4 (2-2-8)	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học và thống kê y sinh cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực y học dựa trên cơ sở các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đi sâu vào nghiên cứu mô tả và thực hiện xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về thống kê y tế, cách vận dụng các kiến thức thông kê trong thực hành y học và thực hiện được các thống kê y tế cơ bản. Sinh viên có cơ hội thực hành đề thực hiện nghiên cứu khoa học cụ thể gắn liền với nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên.
37	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4 (2-2-8)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy – học ở kỳ 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức ngữ pháp Tiếng Anh sử dụng trong ngữ cảnh y khoa và các thuật ngữ chuyên ngành

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ tạo máu và miễn dịch, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp, nội tiết, sinh sản và hệ thần kinh. Học phần cũng giúp cho người học luyện tập và rèn luyện các kỹ năng như nghe – nói – đọc – viết. Các phương pháp dạy – học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận.
38	Tự chọn		
38.1	Nhân học Y học	2 (1-1-4)	<i>Học phần Nhân học Y học gồm 2 tín chỉ là môn học tự chọn cho các đối tượng bác sĩ đa khoa được học vào học kì 2 năm thứ 3. Môn học này cung cấp cho học viên cách nhìn của nhân học y học đối với các vấn đề sức khỏe và vận dụng các phương pháp làm việc phù hợp để chăm sóc sức khỏe cho người dân đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Học phần có các bài tập trung vào nội dung như: Khái niệm nhân học y học, niềm tin và sức khỏe; các khía cạnh văn hóa xã hội của sức khỏe; một số phong tục tập quán liên quan đến sức khỏe và các tiếp cận chăm sóc sức khỏe của người dân tộc thiểu số và cách giao tiếp với người dân tộc thiểu số từ đó giúp người học có những kiến thức, kỹ năng giao tiếp để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân được hiệu quả hơn. Nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của sinh viên.</i>
38.2	Một sức khỏe	2 (1-1-4)	<i>Nội dung của Học phần Một sức khỏe cung cấp các kiến thức cách tiếp cận và</i>

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			<i>các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe, kiểm soát các bệnh truyền lây từ động vật sang người, một số vấn đề liên quan đến sức khỏe. Nội dung môn học có liên quan tới học phần Dịch tễ học và Sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp. Ngoài học thuyết, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng đánh giá nhanh về vấn đề sức khỏe tại cộng đồng và dựa vào cộng đồng và làm việc nhóm, giải quyết bệnh truyền lây, dịch bệnh dựa trên các tình huống.</i>
39	Quản trị học	2 (2-0-4)	Học phần Quản trị học cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về quản trị các tổ chức, các quy luật và nguyên tắc quản trị, các quyết định và thông tin trong quản trị, biết lập kế hoạch, các chức năng, lãnh đạo, kiểm tra
40	Kỹ năng viết và thuyết trình bằng Tiếng Anh	2 (1-1-4)	Học phần Kỹ năng viết và thuyết trình bằng Tiếng Anh giúp cho người học nắm vững ngôn ngữ, cách viết và kỹ năng trình bày một bài nói Tiếng Anh trước một cử tọa đang lắng nghe. Ngoài ra, việc kết hợp các chủ đề này với nhiều hoạt động đa dạng sẽ giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng Tiếng anh kỹ thuật, tiếp tục phát triển 4 kỹ năng cơ bản (nghe – nói – đọc – viết) và kỹ năng dịch thuật chuyên ngành, làm tóm tắt và viết báo cáo
41	Tự chọn hỗ trợ		
41.1	Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo	2 (1-1-4)	<i>Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, tại sao nên khởi nghiệp, biết cách nêu ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh, chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập</i>

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Ngoài ra học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lãnh đạo và các kỹ năng cơ bản cần có của người lãnh đạo. Sau khi hoàn thành khóa học, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng này để bắt đầu khởi nghiệp hoặc thực hiện công việc trong lĩnh vực kinh doanh tốt hơn
41.2	Kỹ năng quản lý dự án	2 (1-1-4)	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tổng quan dự án, cách xác định, lựa chọn và quản lý tổng thể dự án, cơ cấu tổ chức, phạm vi quản lý dự án, quản lý tiến độ, quản lý chi phí dự án. Phần thực hành tổ chức cho sinh viên đi tham quan một số doanh nghiệp, sau đó hướng dẫn cho sinh viên thảo luận, làm việc nhóm và xây dựng một số dự án trong xu thế xã hội ngày nay.
41.3	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2 (1-1-4)	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đàm phán, thương lượng; giúp người học ứng dụng những kiến thức này vào các vấn đề thực tế thông qua việc giải quyết các tình huống phát sinh như: tranh chấp lao động, bàn thảo hợp đồng, thuyết trình sản phẩm, phân tích và xử lý tình huống khó khăn trong công việc. Người học tự tin thuyết trình trước đám đông về một chủ đề nhất định, có khả năng đàm phán trong kinh doanh và trong các cuộc thương thuyết trong công việc này.
41.4	Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện	2 (1-1-4)	Học phần cung cấp cho người học những nội dung cốt lõi về tư duy sáng tạo và phản biện, từ những khái niệm cơ bản đến những khái niệm cơ bản đến

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			<i>những hướng dẫn cụ thể để hình thành tư duy sáng tạo và phân biệt. Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được rèn luyện, người học có thể đánh giá được điểm mạnh và điểm hạn chế trong tư duy sáng tạo, phân biệt từ có thể biết cách cải thiện cũng như rèn luyện để thành thói quen</i>
42	Nội cơ sở	4 (2-2-8)	Học phần Nội cơ sở gồm 4 tín chỉ, 2 lý thuyết và 2 thực hành, học tại học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức nội khoa cơ sở, giúp sinh viên có thể ứng dụng trong thực hành thăm khám một số vấn đề/ hội chứng nội khoa thường gặp. Đồng thời tại các bệnh viện thực hành, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng khai thác tiền sử, bệnh sử, khám bệnh, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, được hướng dẫn nhận biết các dấu hiệu bệnh lý của một số vấn đề/ hội chứng nội khoa thường gặp. Phương pháp giảng dạy chính là ca lâm sàng và hướng dẫn thực hành tại buồng bệnh, lượng giá lý thuyết bằng bài thi tự luận và lâm sàng bằng vấn đáp trên bệnh nhân.
43	Ngoại cơ sở	4 (2-2-8)	Kết thúc học phần Ngoại cơ sở, sinh viên có khả năng tiếp cận bệnh nhân, khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng ngoại khoa thường gặp. Áp dụng kiến thức được học để nhận biết và giải thích được kết quả của các xét nghiệm và thăm dò cận lâm sàng trong một số hội chứng ngoại khoa thường gặp. Biết giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân, gia đình người bệnh và cộng đồng. Hình

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			thành kỹ năng thành thạo trong thực hành lâm sàng ngoại khoa. Vận dụng được các kiến thức đã học ở các năm tiền lâm sàng để nâng cao trình độ, năng lực và kỹ năng ngoại khoa thường thường gặp. Biết giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân, gia đình người bệnh và cộng đồng. Hình thành kỹ năng thành thạo trong thực hành lâm sàng để nâng cao trình độ, năng lực và kỹ năng ngoại khoa cơ bản khi tham gia thực hành bệnh viện đối với bệnh nhân nội trú và ngoại khoa cơ bản khi tham gia thực hành bệnh viện đối với bệnh nhân nội trú và ngoại trú để tích lũy dần kinh nghiệm lâm sàng ngoại khoa của bản thân.
44	Nội bệnh lý 1	4 (1-3-8)	Học phần nội bệnh lý 1 được dạy vào năm 4 sau khi sinh viên hoàn thành các môn nội cơ sở. Là học phần y học lâm sàng giúp sinh viên hình thành năng lực thực hành như chuẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người bệnh. Đồng thời nâng cao mức độ thành kỹ năng đã học ở năm 3 như kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, khám bệnh...nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Học phần nội bệnh lý 1 tập trung vào một số bệnh nội khoa thường gặp và cấp cứu ban đầu. Để hoàn thành học phần có kết quả tốt, sinh viên cần tài liệu học tập như: Giáo trình bệnh học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập lâm sàng, lịch học.
45	Ngoại bệnh lý 1	4 (1-3-8)	Học phần Ngoại bệnh lý 1 là khối lượng kiến thức cơ bản của ngoại chung, cung

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			cấp cho sinh viên những hiểu biết các bệnh lý cấp cứu và ngoại khoa thường gặp về lý thuyết và thực hành nhằm hình thành năng lực chẩn đoán, chỉ định và phương pháp xử trí. Đây là giai đoạn đầu rất cuốn hút sinh viên phát triển thành người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết cơ bản về các vấn đề sức khỏe thường gặp thuộc chuyên ngành ngoại và làm việc một cách chuyên nghiệp. Học phần Ngoại bệnh lý 1 gồm 4 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành. Học phần này giảng dạy cho sinh viên những hiểu biết về những bệnh lý cấp cứu ngoại khoa, các bệnh lý thường gặp vùng bụng và hậu môn, bọng và chân thương cơ quan vận động, đồng thời thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng để lập luận chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định. Sinh viên được hướng dẫn thực hành một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản, phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bạn cùng học, nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh trên cơ sở tôn trọng quyền cá nhân, an toàn người bệnh và lấy người bệnh làm trung tâm. Ngoại bệnh lý 1 là học phần tiên quyết để sinh viên học Ngoại bệnh lý 2 và các học phần chuyên khoa hệ ngoại.
46	Phụ sản 1	4 (1-3-8)	Học phần Phụ sản 1 cung cấp cho sinh viên ngành Y khoa những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, phát hiện, giải thích được những thay đổi sinh lý, giải phẫu, triệu chứng, hội chứng

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			thường gặp ở người phụ nữ và thai nhi trong quá trình mang thai, chuyển dạ, thời kỳ hậu sản. Sinh viên áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học tiền lâm sàng khi làm việc để có thể giao tiếp được với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp qua đó hình thành kinh nghiệm lâm sàng sản khoa.
47	Nhi khoa 1	4 (1-3-8)	Học phần Nhi khoa 1 cung cấp cho người học lý thuyết các bài Nhi cơ sở, một số bài bệnh học về nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy, bệnh lý dinh dưỡng, hội chứng xuất huyết, hội chứng thiếu máu, sử dụng thuốc trong nhi khoa. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại các bệnh viện thực hành; sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán tiềm năng và chẩn đoán phân biệt một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thiếu máu và xuất huyết thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa. Sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.
48	Nội bệnh lý 2	5 (2-3-10)	Học phần Nội bệnh lý 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở học kỳ 8 của CTĐT. Học phần này tiếp

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			tục cung cấp và củng cố kiến thức bệnh học nội khoa và cho người học cơ hội rèn luyện kỹ giao tiếp, thực hành thăm khám, chẩn đoán, phân tích, tổng hợp, ra quyết định lâm sàng, học viên được thực hành một số thủ thuật nội khoa cơ bản. Đồng thời người học tiếp tục được rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trước quyết định lâm sàng của mình. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, trao đổi với đồng nghiệp để tiếp tục rèn luyện chuyên môn nâng cao tay nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu bao gồm: thảo luận ca bệnh, học bên giường bệnh, thực hành thủ thuật. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: lượng giá kỹ năng thực hành khám bệnh tại giường bệnh, vấn đáp ca bệnh theo bảng kiểm và MCQ.
49	Ngoại bệnh lý 2	5 (2-3-10)	Học phần Ngoại bệnh lý 2 cung cấp thêm khối kiến thức về lý thuyết và lâm sàng của bệnh lý ngoại khoa. Củng cố và hoàn thiện năng lực chẩn đoán và xử trí các bệnh lý cấp cứu ngoại khoa chung sau khi được học lý thuyết và hướng dẫn thực hành về những cấp cứu và bệnh lý thường gặp thuộc chuyên ngành Ngoại tiết niệu. Học phần Ngoại bệnh lý 2 gồm 5 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức bệnh học cơ bản về một số cấp cứu và bệnh lý của hệ tiết niệu, đồng thời sinh viên được thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			để lập luận chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các vấn đề sức khỏe đó; đưa ra được các chỉ định cấp cứu và điều trị một số chấn thương và bệnh lý thường gặp của hệ tiết niệu, thực hành một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh trên cơ sở tôn trọng quyền cá nhân.
50	Phụ sản 2	5 (2-3-10)	Học phần Phụ sản 2 cung cấp và củng cố kiến thức, kỹ năng cho sinh viên ngành Y khoa về thăm khám phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán các bất thường xảy ra trong quá trình mang thai, vấn đề nội tiết - vô sinh, một số bệnh phụ khoa thường gặp và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Từ những kiến thức này giúp sinh viên nhận diện được các bất thường và đưa ra hướng xử trí các tình huống cụ thể. Đồng thời, người học tiếp tục được rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định lâm sàng của mình. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, trao đổi với đồng nghiệp để tiếp tục trau dồi chuyên môn, nâng cao tay nghề. Các kiến thức của học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.
51	Nhi khoa 2	5 (2-3-10)	Học phần này gồm 5 tín chỉ bao gồm: 2 tín chỉ lý thuyết, 3 tín chỉ thực hành, được dạy/học ở trong CTĐT. Học phần này giúp sinh viên hoàn thiện hơn các

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			kỹ năng khám bệnh, ra chỉ định xét nghiệm, phân tích quả kết xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa cơ bản đã học ở học phần Nhi khoa 1, bên cạnh đó học được thêm chẩn đoán, điều trị các bệnh lý khác, bệnh lý ít gặp và phức tạp hơn. Trong thời gian học lâm sàng sinh viên phải ôn lại những kiến thức đã học. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường (2-3 buổi/tuần). Phần lâm sàng sinh viên học tại trung tâm/khoa Nhi và các bệnh viện thực hành vào các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 (từ 7h30- 11h30). Trước buổi học lâm sàng, sinh viên chuẩn bị bệnh nhân, bệnh án thảo luận ca bệnh, nắm bệnh nhân trước khi đi buồng. Mỗi sinh viên phải tham gia trực ít nhất 01 buổi/tuần (từ 7h sáng ngày hôm trước đến 7h sáng ngày hôm sau).
52	Y học gia đình	3 (1-2-6)	Học phần bao gồm các bài giảng về khái niệm và các nguyên lý Y học gia đình; một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình vòng đời người và vòng đời gia đình, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng, quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình tại cộng đồng. Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về khám, chẩn đoán, xử trí ban đầu, chuyển tuyến đúng và kịp thời các cấp cứu, vấn đề và bệnh thường gặp thuộc khối chuyên khoa. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về sử dụng các công cụ đánh giá gia đình; cách quản lý các bệnh mạn tính tại cộng đồng (Tăng huyết áp, bệnh phổi

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			tắc nghẽn mạn tính, đái tháo đường, hen phế quản); kỹ năng khám đánh giá, sơ cứu các cấp cứu, vấn đề và bệnh thường gặp thuộc khối chuyên khoa; cách lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân gia đình tại cộng đồng. Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại giảng đường, học lâm sàng tại đơn vị y tế tuyến cơ sở.
53	Truyền nhiễm	2 (1-1-4)	Học phần Truyền nhiễm trang bị cho sinh viên kỹ năng phát hiện các triệu chứng, hội chứng thuộc chuyên ngành truyền nhiễm; chẩn đoán và xử trí được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trên lâm sàng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Học phần này sẽ giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra 1.3.1, 1.3.2 và 2.1.1 của chương trình đào tạo.
54	Sức khỏe tâm thần	2 (1-1-4)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triệu chứng học tâm thần, các bệnh tâm thần thường gặp, cấp cứu trong tâm thần. Học phần bao gồm các bài giảng về các triệu chứng, hội chứng tâm thần thường gặp một số bệnh tâm thần thường gặp trong cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm: Triệu chứng học tâm thần; Các biểu hiện lâm sàng, hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu, tư vấn một số bệnh tâm thần thường gặp; Các biểu hiện lâm sàng, xử trí ban đầu, tư vấn các cấp cứu tâm thần. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về giao

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			tiếp với bệnh nhân tâm thần và người nhà bệnh nhân; kỹ năng khám phát hiện các biểu hiện rối loạn tâm thần; kỹ năng đưa ra hướng chẩn đoán, xử trí một số bệnh tâm thần thường gặp và cấp cứu tâm thần. Kỹ năng nhận biết các trường hợp cần chuyên khoa, chuyển tuyến; kỹ năng tư vấn cho bệnh nhân tâm thần và gia đình trong theo dõi, dự phòng một số bệnh tâm thần thường gặp.
55	Ung Thư	2 (1-1-4)	Học phần Ung thư sẽ cung cấp những kiến thức những kiến thức cơ bản về ung thư đại cương, một số bài bệnh học ung thư thường gặp như ung thư vú, ung thư phế quản phổi, ung thư vòm mũi họng. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 3 buổi. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại Trung tâm/khoa Ung bướu của các bệnh viện thực hành. Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được kiến tập một số thủ thuật cơ bản trong ung thư.
56	Thực tập cộng đồng	3 (0-3-6)	Học phần Thực tập cộng đồng đáp ứng chuẩn năng lực bác sĩ đa khoa của bộ y tế và chuẩn đầu ra bác sĩ đa khoa của nhà trường. Đây là học phần tạo ra

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học. Sinh viên sẽ thực tập tại Trung tâm Y tế huyện Bệnh viện huyện và tại Trạm Y tế xã/phường. Các cán bộ y tế cơ sở (huyện, xã) sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sĩ tương lai. Sinh viên sẽ được tìm hiểu thực trạng tổ chức, quản lý và các hoạt động của hệ thống y tế huyện, xã. Sinh viên cũng được thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như: giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo.
57	Y học cổ truyền	2 (1-1-4)	Học phần Y học cổ truyền là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ (1 lý thuyết 1 thực hành) sẽ trang bị cho người học những kiến thức về y học cổ truyền, hệ thống lý luận cơ bản, các phương pháp châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, thuốc nam; kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong khám, chữa bệnh.

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
58	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1-1-4)	Học phần chẩn đoán hình ảnh gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và năm thứ 5 của chương trình đào tạo bác sỹ y khoa. Học phần này cần học phần tiên quyết là (Giải phẫu, Lý sinh y học, Bệnh học). Học phần gồm 1 tín chỉ lý thuyết gồm 6 bài học (Xquang tim - phổi, Xquang xương khớp, tiết niệu, cấp cứu bụng và siêu âm gan mật). Thực hành gồm 1 tín chỉ học viên được thực hành phân tích phim và chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng tại khoa chẩn đoán hình ảnh. Học phần giúp sinh viên hiểu được các ưu nhược điểm của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh và lựa chọn được phương pháp chẩn đoán hình ảnh phù hợp trong chỉ định thăm khám và có thể phân tích, chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.
59	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2 (2-0-4)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong ngữ cảnh y khoa; các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các tình huống khám chữa bệnh thực tiễn như Taking a History (Lấy bệnh sử), Examining a Patient (Thăm khám), Investigations (Các xét nghiệm), Making Diagnosis (Chẩn đoán và Treatment (Điều Trị), đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp, cấu trúc câu dùng chỉ dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn, giải thích và

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			trấn an bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và điều trị. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận.
60	Da liễu	2 (1-1-4)	Học phần Da liễu tạo ra môi trường để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết và làm việc với bệnh nhân có bệnh lý Da liễu. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được học về cách khám nhận định tổn thương cơ bản ngoài da, phát hiện các triệu chứng, thuộc chuyên ngành da liễu, chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý da liễu thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trong lâm sàng da liễu. Sinh viên sẽ học 15 tiết lý thuyết trên giảng đường và thực hành tại khoa Da liễu của bệnh viện thực hành.
61	Thần Kinh	2 (1-1-4)	Học phần thần kinh gồm 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành) được dạy ở năm thứ 5 của chương trình Y khoa. Phần lý thuyết, sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp. Phần thực hành, sinh viên được học thực hành tại khoa Thần kinh của bệnh viện thực hành. Sinh viên sẽ được học kỹ năng khám xác định các triệu chứng, hội

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			chứng lâm sàng, thực hành chẩn đoán, xử trí một số tình trạng cấp cứu và bệnh lý thần kinh thường gặp trên các bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa. Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân.
62	Lao và bệnh phổi	2 (1-1-4)	Học phần Lao và bệnh phổi bao gồm các nội dung về chuyên ngành lao: Những nội dung cơ bản của đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao, các phương pháp phát hiện sớm và phòng bệnh lao trong cộng đồng. Học phần này cũng giới thiệu về một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC – MGIT, PCR, Xpert MTB/RIF, chụp xquang phổi phát hiện các tổn thương lao, làm phản ứng mantoux, xét nghiệm máu. Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên thu nhận được những kiến thức cần thiết về bệnh lao, nhận thức được mối liên quan giữa môn bệnh học lao với các môn học khác và ứng dụng trong quá trình công tác tại cộng đồng.
63	Phục hồi chức năng	2 (1-1-4)	Học phần này sẽ cung cấp cho người học cách khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng, chẩn đoán, ra chỉ

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			định và thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, đúng quy trình trong điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thường gặp. Để đạt được các mục tiêu học tập, sinh viên cần đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Học thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng của bệnh viện thực hành: 5 buổi/ 1 tuần. Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi tối/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.
64	Mắt	2 (1-1-4)	Học phần Mắt có 2 tín chỉ (1/1), được dạy – học ở năm thứ 5 chương trình đào tạo bác sĩ y khoa. Phần lý thuyết 1 tín chỉ bao gồm 13 bài học chính và 3 bài đọc thêm, phần thực hành 1 tín chỉ bao gồm 12 bài học. Học phần này sẽ giúp cho người học có khả năng khám, phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh lý mắt thường gặp. Áp dụng các kiến thức đã được học ở các năm tiền lâm sàng khi làm việc với mỗi bệnh nhân nội trú và ngoại trú để hình thành kinh nghiệm lâm sàng chuyên ngành Mắt của bản thân. Sau đó, người học sẽ xây dựng được kỹ năng chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt một số bệnh thường gặp dựa trên các triệu chứng lâm sàng, các khám nghiệm chức

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			năng, cận lâm sàng, đưa ra kế hoạch xử trí, điều trị phù hợp và chuyển tuyến kịp thời.
65	Răng hàm mặt	2 (1-1-4)	Học phần Răng Hàm Mặt giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng lâm sàng thuộc khối chuyên khoa. Các học phần tiên quyết là giáo dục đại cương và các học phần y cơ sở. Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng - hàm mặt, khe hở môi – vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Đồng thời sinh viên còn được hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp.
66	Tai mũi họng	2 (1-1-4)	Học phần Tai mũi họng gồm 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành) được dạy ở năm thứ 5 của chương trình Bác sĩ ngành Y khoa. Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh lý và cấp cứu tai mũi họng thường gặp trong cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa tai mũi họng bao gồm: cách khám tai mũi họng thông thường, các thủ thuật điều trị ngoại trú, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc tai mũi họng và cách tuyên truyền tư vấn sức khỏe giúp

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			phòng ngừa các bệnh tai mũi họng thường gặp. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường và thực hành tại các bệnh viện.
67	Tự chọn		
67.1	Gây mê hồi sức	2 (1-1-4)	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp vô cảm, giảm đau sau mổ, các loại thuốc tê, thuốc mê, các tai biến thường gặp trong gây mê, các loại dịch truyền sử dụng trong gây mê hồi sức, các phương pháp vô khuẩn, khử khuẩn trong phòng mổ và biện pháp dự phòng nhiễm khuẩn bệnh viện, học phần Gây mê hồi sức là khóa học 3 tuần, sinh viên đi học lâm sàng tại khoa gây mê hồi sức (gồm các phòng mổ, phòng hồi tỉnh, hồi sức sau mổ). Thời gian đi lâm sàng là buổi sáng các ngày trong tuần. Mỗi sinh viên sẽ tham gia trực một ngày/ tuần. Mỗi tuần sẽ có 3 buổi học lý thuyết. Các phương pháp trắc nghiệm khách quan, nghiên cứu ca bệnh, chấm chỉ tiêu lâm sàng được dùng để lượng giá người học.
67.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2 (1-1-4)	Học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn gồm 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành) được dạy ở năm thứ 6 của chương trình Bác sĩ ngành Y khoa. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, phòng ngừa chuẩn. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, kỹ năng phòng ngừa

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			<i>được các bệnh truyền nhiễm quan trọng. Rèn tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt với nhân viên y tế để triển khai các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện, chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn.</i>
67.3	Pháp Y	2 (1-1-4)	<i>Học phần Pháp Y cung cấp cho sinh viên khái niệm về môn học, mối quan hệ qua lại giữa học và pháp luật. Bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y pháp học: từ thi học, chấn thương, độc chất, sinh dục, tử vong do ngạt...</i>
68	Thực tập tốt nghiệp Nội khoa	3 (0-3-6)	Học phần thực tập tốt nghiệp Nội được thực hiện tại học kỳ 11, khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình Y khoa. Học phần gồm 3 tín chỉ thực hành. Sinh viên được thực hành tại khoa Nội của các bệnh viện tuyến tỉnh. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện khả năng độc lập, chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Học

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Y khoa. Kết quả học thực hành được lượng giá số chỉ tiêu, bệnh án, báo cáo nhóm và đánh giá của cơ sở thực tập. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tập.
69	Thực tập tốt nghiệp Nhi	3 (0-3-6)	Học phần thực tập tốt nghiệp Nhi được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình BSYK. Học phần này gồm 3 tín chỉ, hoàn toàn thực hành trong 08 tuần. Mỗi sinh viên được thực hành tại khoa Nhi của bệnh viện tuyến Tỉnh. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn khám bệnh, chẩn đoán, điều trị, dự phòng, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Kết quả học thực hành được thể hiện qua số chỉ tiêu bệnh án, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tập.
70	Thực tập tốt nghiệp Ngoại khoa	3 (0-3-6)	Học phần thực tập tốt nghiệp Ngoại được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành phần khác của chương trình BSDK. Bao gồm 3 tín chỉ, hoàn toàn

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			thực hành trong 4 tuần 9 sinh viên được thực tập tại khoa Ngoại. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp lý tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn khám bệnh, chẩn đoán, điều trị dự phòng, công thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Kết quả học thực hành được thể hiện qua số chỉ tiêu, bệnh án, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tế.
71	Thực tập tốt nghiệp Sản	3 (0-3-6)	Học phần thực tập tốt nghiệp Sản được thực hiện ở kỳ học 12 sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần bắt buộc của CTĐT. Học phần gồm 3 tín chỉ thực hành. Sinh viên được thực hành tại khoa Sản của các bệnh viện tuyến tỉnh. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện khả năng độc lập, chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm

TT	Học phần	Số TC (LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể.
72	Khoá luận tốt nghiệp	10 (0-10-20)	Học phần Khoá luận tốt nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần năm thứ 5 của chương trình BSYK. Học phần gồm 10 tín chỉ, Thực hiện trong thời gian năm học thứ 6. Mỗi sinh viên hoàn thành một khoá luận về một vấn đề sức khoẻ thuộc các chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Y tế công cộng, Y học gia đình. Sinh viên được một giảng viên hướng dẫn làm khoá luận tốt nghiệp, vận dụng những kiến thức đã học từ học phần Phương

9. Kế hoạch đào tạo

Năm thứ nhất:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1	17		HỌC KỲ 2	17
1	Triết học Mác-Lênin	3	1	Tiếng Anh 2	3
2	Tin học văn phòng	3	2	Giải phẫu - Mô phôi - Giải phẫu bệnh đại cương	5
3	Lý sinh y học	2	3	Sinh lý - Sinh lý bệnh - Dược lý đại cương	4
4	Sinh học phát triển	3	4	Vi sinh - Ký sinh trùng	3
5	Hóa - Hóa sinh	3	5	Miễn dịch đại cương	2
6	Tiếng Anh 1	3			

Năm thứ hai:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 3	16		HỌC KỲ 4	18
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
2	Pháp luật đại cương	2	2	Hệ tiêu hóa	2
3	Tiếng Anh 3	2	3	Hệ thận - Tiết niệu	2
4	Hệ huyết học – Bạch huyết	2	4	Hệ da – cơ – xương	2
5	Hệ tim mạch	2	5	Thực hành Y khoa 2	2
6	Hệ hô hấp	2	6	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2
7	Thực hành Y khoa 1	2	7	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4
8	Sức khỏe MT- Sức khỏe NN	2	8	Kinh tế Y tế- bảo hiểm y tế	2

Năm thứ 3:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 5	17		HỌC KỲ 6	18
1	Quản trị học	2	1	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2
2	Hệ nội tiết – Sinh sản	3	2	Dịch tễ	2
3	Hệ thần kinh	2	3	Nội cơ sở	4
4	Thực hành Y khoa 3	2	4	Ngoại cơ sở	4
5	Tổ chức Quản lý y tế - Chương trình Y tế Quốc gia	2	5	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	2
6	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	6	Dược lâm sàng	2
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học và Thống kê Y sinh	4	7	Tự chọn	2
			7.1	<i>Nhân học y học</i>	2
			7.2	<i>Một sức khỏe</i>	2

Năm thứ 4:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 7	16		HỌC KỲ 8	15
1	Nội bệnh lý 1	4	1	Y học gia đình	3
2	Ngoại bệnh lý 1	4	2	Nội bệnh lý 2	5
3	Sản phụ khoa 1	4	3	Ngoại bệnh lý 2	5
4	Nhi khoa 1	4	4	Tự chọn	2
5			4.1	Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo	2
			4.2	Kỹ năng quản trị dự án	2
			4.3	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2
			4.4	Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện	2

Năm thứ 5:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 9	17		HỌC KỲ 10	17
1	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	Nhi khoa 2	5
2	Sản phụ khoa 2	5	2	Sức khỏe tâm thần	2
3	Truyền nhiễm	2	3	Ung thư	2
4	Da liễu	2	4	Răng hàm mặt	2
5	Thần kinh	2	5	Y học cổ truyền	2
6	Lao và bệnh phổi	2	6	Phục hồi chức năng	2
7	Mắt	2	7	Tai mũi họng	2
8					

Năm thứ 6:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 11	15		HỌC KỲ 12	16
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1	Thực tập tốt nghiệp ngoại – nhi	6
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	Khóa luận tốt nghiệp	10
3	Thực tập cộng đồng	3			
4	Thực tập tốt nghiệp nội-sản	6			
5	Tự chọn	2			
5.1	<i>Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện</i>	2			
5.2	<i>Pháp y</i>	2			
5.3	<i>Gây mê hồi sức</i>	2			

10. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**+ Phương thức đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức theo quy chế đào tạo học chế tín chỉ của Trường Đại học Hòa Bình.

+ Điều kiện làm khóa luận

Để đảm bảo chất lượng của khóa luận tốt nghiệp tương xứng với năng lực của đội ngũ giảng viên và khả năng của sinh viên, chương trình đào tạo đưa ra các điều kiện để chọn lọc các sinh viên đủ các điều kiện để làm và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Các điều kiện để sinh viên được thực hiện làm khóa luận theo quy định của Trường Đại học Hòa Bình.

+ Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hòa Bình. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức tối thiểu là 199 tín chỉ bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm học phần Quốc phòng – An ninh và giáo dục thể chất)

11. Thang điểm

Điểm chữ (A,B,C,D,F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

Đánh giá	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	9,0-10,0	A+	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,7
	8,0 - 8,4	B+	3,5
	7,0-7,9	B	3,0
	6,5-6,9	C+	2,5
	5,5-6,4	C	2,0
	5,0-5,4	D+	1,5
	4,0-4,9	D	1,0
Không đạt	0,0-3,9	F	0

12. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

Phương pháp giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cho sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy; đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học:

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm
- Hình thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng, câu hỏi clicker, TBL, trình diễn mẫu, nghiên cứu tình huống, giảng bên giường bệnh, cầm tay chỉ việc, bảng điểm...phù hợp với giảng lý thuyết/ lâm sàng, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, chương trình đào tạo.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người bác sĩ.
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của của GV, về chương trình đào tạo.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần/ module, và chuẩn đầu ra môn học phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần/module và thi kết thúc học phần/module.

Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, OSCE... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Hòa Bình.

13. Chương trình đào tạo trong nước và quốc tế được đối sánh

- Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa hệ chính quy của Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

- Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa đổi mới của Trường Đại học Y Hải Phòng

- Medical Doctor Curriculum, Duke-Nus Medical School, Singapore.
<https://www.duke-nus.edu.sg/education/our-programmes/md-programmes/course-description>.

- Medical Doctor Program, St George's University, USA.

<https://www.sgu.edu.sg/academic-programs/school-of-medicine/md/curriculum-doctor-medicine/>